

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-SIU ngày ... tháng ... năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn)

<b>Tên chương trình đào tạo:</b>	Cử nhân Quản trị kinh doanh
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy
<b>Ngành đào tạo:</b>	Quản trị kinh doanh
<b>Mã ngành:</b>	7340101
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	Quản trị kinh doanh

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo hướng đến đào tạo những cử nhân Quản trị kinh doanh chuẩn quốc tế hàng đầu Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh trong nước và thế giới.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **PO1:** Sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất; có kỹ năng ngoại ngữ và các kỹ năng mềm đáp ứng được yêu cầu công việc trong môi trường quốc tế.
- **PO2:** Sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn cả về lý thuyết và thực hành trong quá trình giải quyết những vấn đề thực tế của lĩnh vực quản trị kinh doanh, có khả năng đưa ra ý tưởng, giải pháp và xây dựng các ý tưởng kinh doanh, quản trị hiệu quả.
- **PO3:** Sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển chuyên môn và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn; có ý thức và tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
- **PO4:** Sinh viên có thái độ làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng và tác phong làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc, có tinh thần ham muốn học hỏi và học tập suốt đời.

## 2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

Nhóm các PLOs	Chuẩn đầu ra
<b>Kiến thức</b>	<p><b>PLO1:</b> Ứng dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh; ứng dụng kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức; ứng dụng kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để giải quyết các vấn đề của tổ chức</p> <p><b>PLO2:</b> Hiểu rõ kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý; ứng dụng kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý; hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh</p> <p><b>PLO3:</b> Ứng dụng kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức; phân biệt các kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng; hiểu rõ kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp; phân tích kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh và ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh</p> <p><b>PLO4:</b> Ứng dụng kiến thức về môi trường luật pháp, văn hóa, xã hội và đạo đức để thay đổi các chiến lược kinh doanh thích hợp trước những biến đổi của môi trường</p>
<b>Kỹ năng</b>	<p><b>PLO5:</b> Nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh; đánh giá, phân tích, tổng hợp vấn đề và đưa ra giải pháp; quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh</p> <p><b>PLO6:</b> Giải thích ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh; đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh; soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh; nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt trong vấn đề kinh doanh.</p>

Nhóm các PLOs	Chuẩn đầu ra
	<p><b>PLO7:</b> Tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp; sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống; xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề; phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị</p> <p><b>PLO8:</b> Thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác trong bối cảnh toàn cầu; trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng; giao tiếp thành thạo bằng văn bản và đa phương tiện</p> <p><b>PLO9:</b> Xây dựng và phát triển nhóm làm việc độc lập và hiệu quả; tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu; phối hợp, tương tác khi làm việc nhóm</p> <p><b>PLO10:</b> Giao tiếp văn bản hiệu quả bằng tiếng Anh; giao tiếp đa phương tiện hiệu quả bằng tiếng Anh</p>
<p><b>Mức tự chủ và trách nhiệm, năng lực</b></p>	<p><b>PLO11:</b> Làm việc nhóm độc lập hoặc quản trị nhóm trong điều kiện kinh doanh thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, lập kế hoạch, điều phối; quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động</p> <p><b>PLO12:</b> Nhận thức được vai trò và trách nhiệm đối với công việc phụ trách; nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa; nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội và cộng đồng; nhận thức được vấn đề mang tính thời sự</p> <p><b>PLO13:</b> Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức; quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức; thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa; quản trị những rủi ro trong kinh doanh; quản trị sự thay đổi trong kinh doanh</p>

Nhóm các PLOs	Chuẩn đầu ra
	<b>PLO14:</b> Tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần; tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh; xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp; vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu, cập nhật và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp

### 3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
PO1	X	X			X		X			X		X		X
PO2			X	X	X	X			X		X		X	X
PO3		X			X		X	X	X	X		X	X	
PO4		X	X			X		X	X	X	X	X	X	X

### 4. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp chương trình này, người học có thể làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu với sự cạnh tranh cao, khả năng thích ứng với công việc nhanh chóng nhờ được trang bị khối kiến thức hợp lý cả cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, được chuyển tải vào kỹ năng nghề nghiệp, tố chất cá nhân, kỹ năng giao tiếp linh hoạt trong môi trường Quản trị hiện đại và Kinh doanh đa văn hóa. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh theo 2 nhóm ngành nghề chính:

(1) Nhóm 1: Chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách hoặc chuyên gia cao cấp trong kinh doanh. Những chuyên viên có kiến thức và đam mê kinh doanh, trong tương lai sẽ là nhà quản lý cao cấp trong các doanh nghiệp ở các vị trí có liên quan đến quản trị và kinh doanh như: chuyên viên hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực trong tổ chức, phân tích, thẩm định và đề xuất các phương án đầu tư kinh doanh, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng và xây dựng thương hiệu sản phẩm, và triển vọng trong tương lai sẽ trở thành những chuyên gia phân tích, tư vấn, trợ lý Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong môi trường toàn cầu. Những chuyên viên cao cấp này

có khả năng thích ứng trong bối cảnh công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các tổ chức, các doanh nghiệp, có khả năng hoạch định, điều hành, tổ chức thực hiện và quản lý; có đủ năng lực đảm nhận các chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng, ban trong tổ chức, cũng như các chương trình, dự án thuộc các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức của chính phủ và phi chính phủ cả ở trong và ngoài nước.

(2) Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khi tốt nghiệp sinh viên có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp, có đam mê và tinh thần sẵn sàng khởi nghiệp sáng tạo, trong tương lai sẽ đi theo thiên hướng trở thành những chủ doanh nghiệp có trí tuệ và bản lĩnh kinh doanh, tự lập thân, lập nghiệp.

## 5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 122** tín chỉ, chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

## 7. Tiêu chí tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

**7.1. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Quốc tế Sài Gòn.

**7.2. Hình thức tuyển sinh:** Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

### 8.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

### 8.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## 9. Phương thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## 10. Nội dung chương trình đào tạo:

### 10.1. Các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>52</b>	<b>42,62%</b>
1.2.	Chính trị	11	

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1.2.	Khoa học	13	
1.3.	Ngoại ngữ	13	
1.4.	Tin học	6	
1.5.	Văn hóa	9	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>60</b>	<b>49,18%</b>
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2.	Kiến thức ngành chính	12	
2.3	Kiến thức chuyên ngành	33	
<b>3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>	<b>8,20%</b>
<b>Tổng cộng:</b>		<b>122</b>	

10.2. Nội dung chi tiết:

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng g	LT	TH /TN	ĐA	T T	
<b>I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>52</b>						
<b>I.1. Lý luận chính trị</b>				<b>11</b>						
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	45				
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	30				
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	30				2GEN0013
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	30				2GEN0007
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30	30				2GEN0014
<b>I.2. Khoa học</b>				<b>13</b>						
<b>Bắt buộc</b>				<b>10</b>						
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30	30				
I.2.02	2SOC11494	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	45	45				
I.2.03	2BUS11440	Lý thuyết xác suất thống kê	Probability & Statistics	3	45	45				2SOC11494
I.2.04	2BUS12201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Business Research Methods	2	45	15	30			
<b>Tự chọn (03 tín chỉ)</b>				<b>3</b>						
I.2.05.01	2BUS13426	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	45	45				

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng g	LT	TH /TN	ĐA	T T	
I.2.05.02	2BUS4350	Quản trị chất lượng	Quality Management	3	45	45				
I.2.05.03	2BUS4351	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	3	45	45				
<b>I.3. Ngoại ngữ</b>				<b>13</b>						
I.3.01	2LAN11453	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	90	30	60			
I.3.02	2LAN11454	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	90	30	60			2LAN11453
I.3.03	2LAN11455	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	90	60	30			2LAN11454
<b>I.4. Tin học</b>				<b>6</b>						
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	45	15	30			
I.4.02	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án	Project Management Tools	2	45	15	30			
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	45	15	30			
<b>I.5. Văn hoá</b>				<b>9</b>						
<b>Bắt buộc</b>				<b>3</b>						
I.5.01	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition	3	45	45				2ENG11492
I.5.02	2SOC11490	Văn hóa Mỹ	American Culture	3	45	45				
<b>Tự chọn (03 tín chỉ)</b>				<b>3</b>						
I.5.03.01	2ENG11492	Viết văn Anh	English Expository Writing	3	45	45				
I.5.03.02	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20	20 <sup>th</sup> Century British Novels	3	45	45				
I.5.03.03	2ENG12402	Văn học và Shakespeare	Shakespeare & Literature	3	45	45				
<b>II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				<b>60</b>						
<b>II.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>15</b>						
II.1.01	2BUS11407	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	45				
II.1.02	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	45				2BUS11407
II.1.03	2BUS12426	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	45	45				2BUS12408
II.1.04	2BUS12408	Kinh tế lượng	Econometrics	3	45	45				2BUS11440
II.1.05	2BUS11403	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	45	45				
<b>II.2. Kiến thức ngành chính</b>				<b>12</b>						

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tôn g	LT	TH /TN	ĐA	T T	
II.2.01	2BUS11416	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45	45				
II.2.02	2BUS12416	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	3	45	45				2BUS11416
II.2.03	2BUS12412	Quản trị tài chính	Financial Management	3	45	45				
II.2.04	2BUS13408	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	45	45				2BUS12416
<b>II.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>33</b>						
<b>Bắt buộc</b>				<b>30</b>						
II.3.01	2BUS11415	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	3	60	30	30			2BUS4311
II.3.02	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế	International Commercial Law	3	45	45				2GEN0008
II.3.03	2BUS12410	Quản trị sản xuất	Production Management	3	45	45				
II.3.04	2BUS11485	Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện	Public Relations & Event Management	3	60	30	30			2BUS11415
II.3.05	2BUS11490	Quản trị kinh doanh	Business Administration	3	60	30	30			
II.3.06	2BUS12411	Đàm phán kinh doanh quốc tế	International Business Negotiation	3	45	45				
II.3.07	2BUS43315	Khởi nghiệp trong thời đại số	Entrepreneurship in A Digital Age	3	60	30	30			2BUS11490
II.3.08	2BUS4311	Quan hệ con người	Human Relations	3	45	45				
II.3.09	2BUS43316	Quản trị rủi ro	Risk Management	3	45	45				
II.3.10	2BUS4306	Thương mại điện tử	E-Commerce	3	45	45				
<b>Tự chọn (chọn 3 tín chỉ)</b>				<b>3</b>						
II.3.11.01	2BUS11405	Marketing quốc tế	International Marketing	3	45	45				2BUS11403
II.3.11.02	2BUS13403	Chiến lược và chính sách kinh doanh	Business Policy & Strategy	3	45	45				
II.3.11.03	2BUS4316	Định giá bất động sản	Real Estate Valuation	3	45	45				
<b>II.4. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp</b>				<b>10</b>						
II.4.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45				45	
II.4.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105			105		
<b>III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</b>				<b>16</b>						



STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH /TN	ĐA	T T	
<b>Bắt buộc, không tích lũy</b>				<b>16</b>						
III.1	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5	150		150			
III.2	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	National Defense and Security Education	11	165	16	5			

10.3. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:  
(Mức độ áp dụng: 1: Không liên quan trực tiếp; 2: Liên quan một phần; 3: Liên quan;  
4: Liên quan gần gũi; 5: Liên quan đặc biệt)

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>														
<b>Lý luận chính trị</b>														
Triết học Mác – Lênin / Philosophy of Marxism and Leninism		3	3		3		3	3			3		3	3
Kinh tế chính trị Mác – Lênin / Political Economics of Marxism and Leninism	3	3		3		3		3	3		3	3	3	
Chủ nghĩa Xã hội khoa học / Scientific Socialism	3	3	3			3		3	3			3	3	3
Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Thought	3	3		3		3	3	3		3		3	3	3
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of The Communist Party of Vietnam		3	3		3		3			3	3		3	3
<b>Khoa học xã hội</b>														
<b>Bắt buộc</b>														
Pháp luật đại cương / General Laws	3			3			3	3	3			3		
Toán cao cấp / Advanced Mathematics	4		4				4							3
Lý thuyết xác suất thống kê / Probability & Statistics	4		4				4				3			3
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh / Business Research Methods	4	4	4	3	4	4	4	4	4		4	4		4
<b>Tự chọn (03 tín chỉ)</b>														
Quản trị chuỗi cung ứng / Supply Chain Management	3	3	3	3	3	3	3	3	4		3	3	3	3
Quản trị chất lượng / Quality Management	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4
Luật sở hữu trí tuệ / Intellectual Property Law	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4
<b>Ngoại ngữ</b>														
English Proficiency 1				3				3		3			3	
English Proficiency 2				3				3		3			3	
English Proficiency 3				3				3		3			3	
<b>Tin học</b>														

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Công cụ xử lý hình ảnh / Image Processing Tools							3				3			
Công cụ Quản lý dự án/Project Management Tools							3				3			
Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu/Data Analytics and Visualization Tools							3				3			
<b>Văn hoá</b>														
<b>Bắt buộc</b>														
Viết luận Anh / English Composition				3				3		3		3	3	
Văn hóa Mỹ / American Culture				3				3		3		3	3	
<b>Tự chọn (03 tín chỉ)</b>														
Viết văn Anh / English Expository Writing				3				3		3		3	3	
Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 / 20th Century British Novels				3				3		3		3	3	
Văn học và Shakespeare / Shakespeare & Literature				3				3		3		3	3	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>														
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>														
Kinh tế vi mô / Microeconomics	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
Kinh tế vĩ mô / Macroeconomics	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	
Kinh tế lượng / Econometrics	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	
Marketing căn bản / Principles of Marketing	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
<b>Kiến thức ngành chính</b>														
Quản trị học / Fundamentals of Management	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
Quản trị nhân sự / Human Resource Management	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
Quản trị tài chính / Financial Management	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
Quản trị chiến lược / Strategic Management	4	4	4		3	3	3	3	3		3	3	3	3
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>														
<b>Bắt buộc</b>														
Hành vi tổ chức / Organizational Behavior	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Luật thương mại quốc tế / International Commercial Law	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Quản trị sản xuất / Production Management	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện / Public Relations & Event Management	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Quản trị kinh doanh / Business Administration	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Đàm phán kinh doanh quốc tế / International Business Negotiation	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Khởi nghiệp trong thời đại số/ Entrepreneurship in a Digital Age	4	4	4	4	5	5	5	5	5		3	3	3	3
Quan hệ con người / Human relations	3	3	3	3	5	5	5	5	4		3	3	3	3
Quản trị rủi ro / Risk Management	3	3	3	3	5	5	3	5	4		3	3	3	3
Thương mại điện tử / E-Commerce	3	3	3	3	5	5	3	5	4		3	3	3	3

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Tự chọn (03 tín chỉ)														
Marketing quốc tế / International Marketing	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Chiến lược và chính sách kinh doanh / Business Strategy & Policy	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
Định giá bất động sản / Real Estate Valuation	4	4	4	4	4	4	4	4	4		3	3	3	3
<b>Thực tập và khoá luận tốt nghiệp</b>														
Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	4	4	4	4
Khoá luận tốt nghiệp / Graduation Thesis	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	4	4	4	4
<b>KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b>														
Giáo dục Quốc phòng và An ninh / National Defense and Security Education		3		3			3	3				3	3	
Giáo dục thể chất / Physical Education		3	3			3		3				3	3	

#### 10.4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

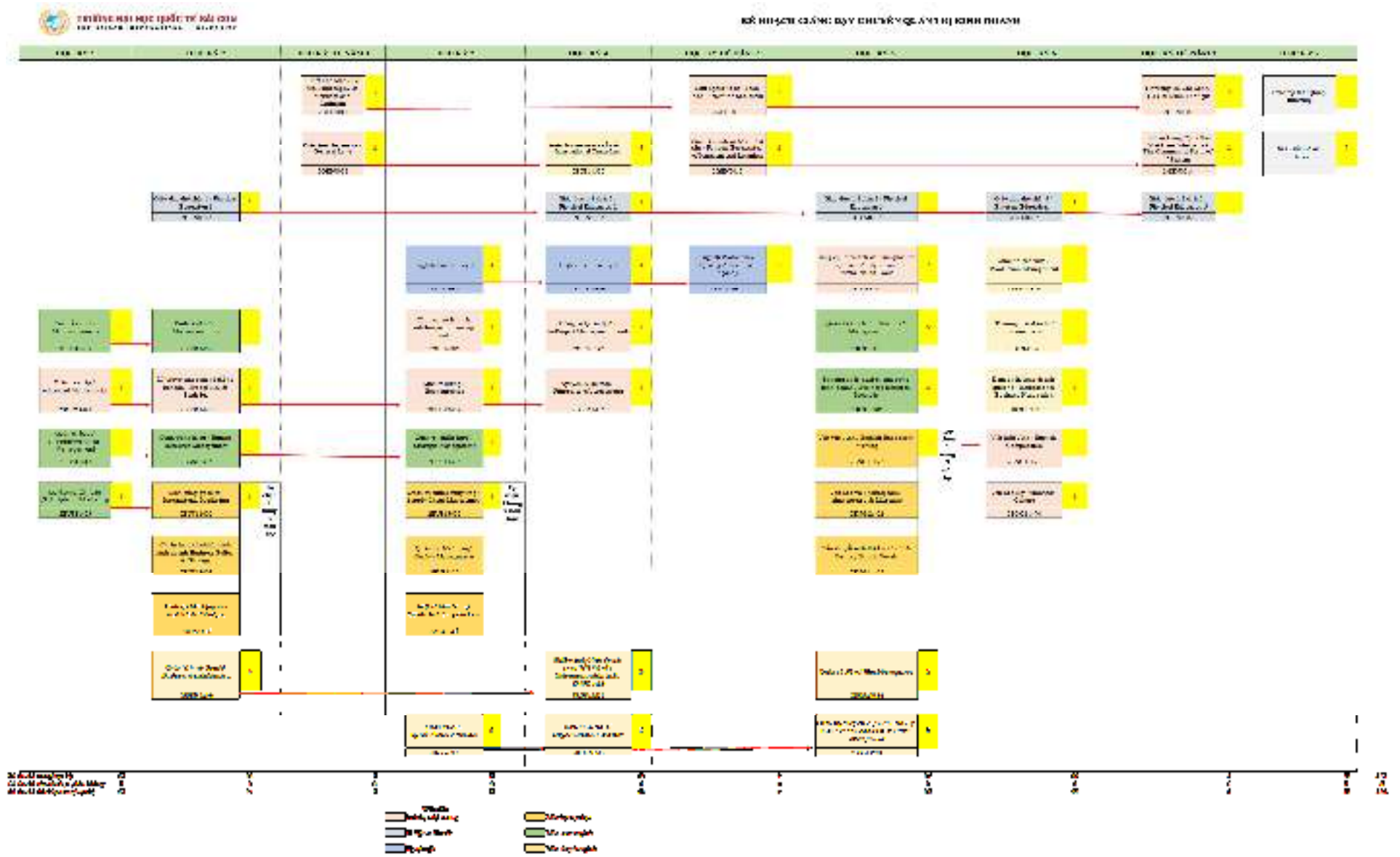
STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
<b>Học kỳ 1</b>									
1	2BUS11407	Kinh tế vi mô / Microeconomics	3	45	45				
2	2SOC11494	Toán cao cấp / Advanced Mathematics	3	45	45				
3	2BUS11403	Marketing căn bản / Principles of Marketing	3	45	45				
4	2BUS11416	Quản trị học / Fundamentals of Management	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK1</b>			<b>12</b>						
<b>Học kỳ 2</b>									
1	2BUS11490	Quản trị kinh doanh / Business Administration	3	60	30	30			
2	2BUS12416	Quản trị nhân sự / Human Resource Management	3	45	45				
3	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô / Macroeconomics	3	45	45				
4	2BUS11440	Lý thuyết xác suất thống kê / Probability & Statistics	3	45	45				
5	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 / Physical Education 1	1	30		30			Không tích lũy
6	Môn tự chọn (Chọn 03 tín chỉ)								

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
6.1	2BUS11405	Marketing quốc tế/ International Marketing	3	45	45				
6.2	2BUS13403	Chiến lược và chính sách kinh doanh/ Business Strategy & Policy	3	45	45				
6.3	2BUS4316	Định giá bất động sản / Real Estate Valuation	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK2</b>			<b>15</b>						
<b>Học kỳ hè năm 1</b>									
1	2GEN0011	Triết học Mác - Lê nin/ Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	45				
2	2GEN0008	Pháp luật đại cương / General Laws	2	30	30				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 1</b>			<b>5</b>						
<b>Học kỳ 3</b>									
1	2LAN1453	English Proficiency 1	4	90	30	60			
2	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh / Image Processing Tools	2	45	15	30			
3	2BUS12408	Kinh tế lượng / Econometrics	3	45	45				
4	2BUS13408	Quản trị chiến lược / Strategic Management	3	45	45				
5	2BUS4311	Quan hệ con người/ Human Relations	3	45	45				
6	Môn tự chọn (chọn 03 tín chỉ)								
6.1	2BUS13426	Quản trị chuỗi cung ứng / Supply Chain Management	3	45	45				
6.2	2BUS4350	Quản trị chất lượng/ Quality Management	3	45	45				
6.3	2BUS4351	Luật sở hữu trí tuệ/ Intellectual Property Law	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK3</b>			<b>18</b>						
<b>Học kỳ 4</b>									
1	2LAN1454	English Proficiency 2	4	90	30	60			
2	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án/Project Management Tools	2	45	15	30			
3	2BUS12426	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3	45	45				

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
4	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế/International Commercial Law	3	45	45				
5	2BUS12474	Khởi nghiệp trong thời đại số/ Entrepreneurship in a Digital Age	3	60	30	30			
6	2BUS11415	Hành vi tổ chức / Organizational Behavior	3	60	30	30			
7	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2/ Physical Education 2	1	30		30			Không tích lũy
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK4</b>			<b>18</b>						
<b>Học kỳ hè năm 2</b>									
1	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin / Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	30				
2	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific socialism	2	30	30				
3	2LAN1455	English Proficiency 3	5	90	60	30			
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 2</b>			<b>9</b>						
<b>Học kỳ 5</b>									
1	2BUS12201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh / Business Research Methods	2	45	15	30			
2	2BUS12412	Quản trị tài chính / Financial Management	3	45	45				
3	2BUS11485	Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện / Public Relations & Event Management	3	60	30	30			
4	2BUS43316	Quản trị rủi ro / Risk Management	3	45	45				
5	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3/ Physical Education 3	1	30	0	30			Không tích lũy
6	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu/Data Analytics and Visualization Tools	2	45	15	30			
7	Môn tự chọn (Chọn 03 tín chỉ)								
7.1	2ENG11492	Viết văn Anh / English Expository Writing	3	45	45				Môn học bằng tiếng Anh
7.2	2ENG12402	Văn học và Shakespeare/ Shakespeare & Literature	3	45	45				

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Ghi chú
					LT	TH/TN	ĐA	TT	
7.3	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20/ 20th Century British Novels	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK5</b>			<b>16</b>						
<b>Học kỳ 6</b>									
1	2ENG11491	Viết luận Anh / English Composition	3	45	45				Môn học bằng tiếng Anh
2	2BUS12411	Đàm phán kinh doanh quốc tế / International Business Negotiation	3	45	45				
3	2BUS4306	Thương mại điện tử / E-Commerce	3	45	45				
4	2BUS12410	Quản trị sản xuất / Production Management	3	45	45				
5	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4/ Physical Education 4	1	30		30			Không tích lũy
6	2SOC11490	Văn hóa Mỹ / American Culture	3	45	45				Môn học bằng tiếng Anh
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK6</b>			<b>15</b>						
<b>Học kỳ hè năm 3</b>									
1	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam / History of The Communist Party of Vietnam	2	30	30				
2	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh / HCM Thought	2	30	30				
3	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5/ Physical Education 5	1	30		30			Không tích lũy
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 3</b>			<b>4</b>						
<b>Học kỳ 7</b>									
1	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	3	45				45	
2	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	7	105			105		
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK7</b>			<b>10</b>						

# 11. Sơ đồ chương trình giảng dạy:



## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:**

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.
- Các môn học được phân công giảng dạy bởi khoa/đơn vị quản lý môn học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học thống nhất đã được phê duyệt.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## **13. Mô tả môn học:**

### ***13.1. Triết học Mác-Lenin***

Học phần có 11 chương, bao gồm 2 lĩnh vực chính:

- Những nguyên lý, quy luật, phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những quy luật, những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

### ***13.2. Kinh tế chính trị Mác-Lenin***

Thứ nhất: Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Thứ hai: Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

### ***13.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học***

Môn học có 10 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

### ***13.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam***

Gồm 5 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

### ***13.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh:***

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.



### **13.6. *Pháp luật đại cương***

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành Chính, Luật Dân Sự, Luật Hình Sự

### **13.7. *Văn hóa Mỹ***

Môn học này cung cấp cho sinh viên những quy tắc cơ bản của 1 văn bản hay, lời khuyên thiết thực cho một tác phẩm và một số kỹ năng viết cơ bản, đồng thời giúp sinh viên thực hành những kỹ năng đó. Sinh viên sẽ nghiên cứu các cách xây dựng, phát triển các bài tiểu luận và viết văn xuôi.

### **13.8. *Viết luận Anh***

Môn học được thiết kế nhằm cải thiện khả năng tư duy và kỹ năng giao tiếp mạch lạc và mang tính phản biện cho sinh viên, nhấn mạnh vào quá trình rèn luyện kỹ năng viết. Sinh viên sẽ được yêu cầu đọc và phân tích các đoạn văn xuôi cũng như lưu trữ và tổng hợp và các nguồn tài liệu. Môn học này được thiết kế nhằm giúp sinh viên cải thiện kỹ năng viết và nghiên cứu các chiến lược viết nhằm giúp cho sinh viên đạt được thành công cả trong môi trường đại học lẫn tại các nơi khác. Việc viết tốt đòi hỏi tư duy phê phán và kỹ năng đọc, cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả, chính vì vậy, môn học sẽ tạo điều kiện cho sinh viên phân tích các bài tiểu luận cũng như luyện tập các kỹ thuật viết khác nhau.

### **13.9. *Viết văn Anh***

Mỗi sinh viên sẽ được yêu cầu thể hiện sự thành thạo tăng tiến dần ở mỗi dạng văn viết, chẳng hạn như nguyên nhân và hệ quả, so sánh và tương phản, cũng như một số kỹ thuật viết văn cơ bản như tường thuật, mô tả, đánh giá, phân tích và lập luận / thuyết phục. Mỗi sinh viên phải viết về các chủ đề, sau đó tiến tới mở rộng và phát triển chủ đề đó thành một đề tài cụ thể nhằm thể hiện một cách hiệu quả và nhất quán ý tưởng trung tâm của bài văn. Môn học sẽ đặt trọng tâm vào các nguyên tắc cơ bản trong viết văn như tính thống nhất, tính mạch lạc, tính chuyên tiếp và cú pháp. Trong suốt thời gian khóa học, sinh viên sẽ phải hoàn thành ba bản báo cáo môn học cơ bản bằng cách sử dụng nguồn tài liệu của Hiệp hội Ngôn ngữ Hiện đại (MLA).

### **13.10. *Văn học và Shakespeare***

Làm sao để nói về những tác phẩm kịch đầu tiên của Shakespear như vở Titus Andronicus, Romeo & Juliet, Richard II hay Richard III? Một số nhân vật đáng nhớ nhất của Shakespeare đến từ các vở kịch mà ông viết trong quãng thời gian trước năm 1600. Falstaff, Shylock, Mercutio, Beatrice và Puck đều được sáng tác trước những nhân vật mà nhiều nhà phê bình vẫn coi là thành tựu lớn nhất

của Shakespear như Lady Macbeth, Prince Hamlet, Othello hoặc Lear. Có cần thiết phải phân biệt Shakespeare buổi mới vào nghề với Shakespear khi đã thành danh không? Có cần phải phân biệt nét khác biệt giữa Falstaff và Iago không? Giữa Hoàng tử Hal và Hoàng tử Hamlet không?

Trong môn học này, chúng ta sẽ cùng nghiên cứu các tác phẩm của Shakespeare thuở mới vào nghề để trả lời cho câu hỏi liệu có cần thiết phải tách bạch giữa các tác phẩm này với các tác phẩm sau này của vị kịch gia. Mục tiêu của chúng ta trong suốt Môn học là nghiên cứu những câu hỏi bắt nguồn từ các vở kịch được Shakespear sáng tác trong những năm đầu sự nghiệp, những câu hỏi góp phần định hình các cuộc thảo luận về những kiệt tác sau này của ông. Làm sao những vở kịch đầu tay này trả lời được cho các câu hỏi về giới tính, tình dục, quyền lực và đẳng cấp. Làm sao để thẩm nhuần ý nghĩa của những vở kịch như Hamlet thông qua lăng kính mà bạn có được khi đọc xong Titus Andronicus – để từ đó, hiểu rõ hơn về “sự trưởng thành” trong vai trò là kịch gia của Shakespeare?

Các tác phẩm của William Shakespeare đã và đang là chủ đề của nhiều bài phê bình văn học và lịch sử vĩ đại. Môn học này nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn tổng quan về bản chất của các bài phê bình bằng cách khám phá các khía cạnh về mặt lý thuyết trong các tác phẩm của Shakespeare. Các ý tưởng chính được lồng ghép trong Môn học này bao gồm các ý tưởng trong các lĩnh vực như phân tâm học, chủ nghĩa lịch sử mới, chủ nghĩa duy vật văn hóa, chủ nghĩa hiện thực mới, nghiên cứu về giới và lý thuyết đồng tính và phê bình hậu chủ nghĩa thực dân. Nhìn chung, sinh viên sẽ có cơ hội khám phá một cách có chiều sâu và ứng dụng của những lý thuyết này cũng như những các lý thuyết, tư tưởng khác liên quan đến các tác phẩm của Shakespeare.

### ***13.11. Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20***

Môn học này được thiết kế để giới thiệu cho sinh viên về các phong trào văn học ở Anh trong suốt thế kỷ 20. Nội dung môn học sẽ tập trung vào những thay đổi chính trị xã hội diễn ra liên tục trong xã hội Anh thời Hiện đại và Hậu hiện đại. Sinh viên sẽ áp dụng các phương thức như journaling (hình thức ghi chú gần giống với ghi nhật ký), thảo luận trên lớp, viết bài tiểu luận và thuyết trình nhằm đánh giá tác động của Chủ nghĩa đế quốc lên thế giới thời hiện đại và vai trò của kể chuyện thông qua tiểu thuyết viễn tưởng.

### ***13.12. Ngoại ngữ:***

Đây là nội dung ngoại ngữ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ TOEIC 500 đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

### **13.13. Tin học**

Các môn tin học trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Bao gồm 03 học phần:

#### 13.17.1. Công cụ xử lý hình ảnh

Adobe Photoshop (gọi tắt là Photoshop) là một trong những phần mềm chỉnh sửa ảnh tốt nhất, giúp sinh viên thỏa sức sáng tạo, giúp biến những hình ảnh bình thường trở thành kiệt tác. Bằng phương pháp giảng dạy đơn giản, dễ hiểu, kết hợp thực hành, học phần sẽ giúp học viên biết cách sử dụng các công cụ, tính năng trong Photoshop; từ đó học viên sẽ tự tay chỉnh sửa và sáng tạo nên được những bức ảnh trở nên sống động, sáng tạo theo ý thích riêng, cùng với hiệu ứng chữ đẹp mắt, ... Khóa học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và tư duy thiết kế mà không phải khóa học nào cũng tích hợp và truyền tải tới học viên của mình, từ những kiến thức về bố cục ảnh, bộ lọc màu phù hợp, hiệu ứng phù hợp cho tới tư duy màu sắc thiết kế, ...

#### 13.17.2. Công cụ quản lý dự án

Học phần giúp sinh viên hiểu về cách lập tiến độ thi công, hiểu sâu, cách làm project và sử dụng thành thạo các công cụ trong MS Project để lập tiến độ thi công, lập tiến độ thi công sát với thực tế, lập tiến độ bằng Project chuyên nghiệp.

#### 13.17.3 Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu

Giúp SV có kiến thức cơ bản về phương pháp, kỹ thuật cụ thể, khi xử lý số liệu bằng phần mềm chuyên dụng SPSS, góp phần hình thành kỹ năng xử lý và phân tích số liệu nhằm nâng cao giá trị khoa học của các số liệu nghiên cứu. Nắm vững và sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng để áp dụng vào các bài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp Đại học, luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ, ... Có các kỹ năng cơ bản về: Nghiên cứu định lượng, chọn mẫu, Cronbach's Alpha, EFA, tương quan và hồi quy đơn, tương quan và hồi quy bội, kiểm định giả thuyết về trị trung bình...

### **13.14. Toán cao cấp:**

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân

### **13.15. Lý thuyết xác suất và thống kê toán:**

Học phần được kết cấu thành 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên

Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

### **13.16. Giáo dục thể chất:**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT, ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **13.17. Giáo dục Quốc phòng và An ninh:**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **13.18. Kinh tế vi mô:**

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo

### **13.19. Kinh tế vĩ mô:**

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế. Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

### **13.20. Marketing căn bản:**

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

### **13.21. Nguyên lý kế toán:**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình

thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán ác quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

### **13.22. Kinh tế lượng**

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy moat phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào moat số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

### **13.23. Quản trị học**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp ủa nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật moat số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của moat doanh nghiệp.

### **13.24. Quản trị chiến lược**

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

### **13.25. Quản trị nhân lực**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

### **13.26. Quản trị tài chính**

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

### **13.27. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và công cụ cần thiết để tiến hành một nghiên cứu có tính hệ thống và tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu các bước thực hiện một

nghiên cứu từ bước đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, thu thập thông tin, xử lý thông tin... cho đến bước hoàn thành và báo cáo đề tài nghiên cứu.

### **13.28. Quản trị chuỗi cung ứng**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị 2 chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

### **13.29. Quản trị rủi ro**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong quản trị rủi ro doanh nghiệp và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính, bảo hiểm,... vào quản lý rủi ro cho doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về phân tích các loại rủi ro, đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro nhằm bảo đảm sự vận hành của doanh nghiệp cũng như giúp doanh nghiệp thực hiện các chiến lược quản trị rủi ro phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

### **13.30. Quản trị chất lượng**

Hiện nay Quản trị chất lượng đã trở thành một hoạt động cần thiết trong tình hình hiện nay nhất là khi VN gia nhập WTO hội nhập kinh tế quốc tế, quản lý chất lượng rất cần đối với sự phát triển của các tổ chức thông qua việc tập trung vào hiệu quả của hệ thống quản lý và sự thỏa mãn của khách hàng.

Môn học này nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

Cung cấp cho SV những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các tổ chức. SV có cơ hội tiếp cận các cách thức quản trị chất lượng hiệu quả tại các doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới. Thông qua môn học, SV có nhiều cơ hội để thảo luận, nhận dạng những vấn đề về quản trị chất lượng, được chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm về quản trị chất lượng, từ đó giúp SV có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để giải quyết các vấn đề quản trị chất lượng cũng như định hướng triển khai hệ thống quản lý chất lượng thích hợp tại tổ chức, đơn vị mình sau này

### **13.31. Luật sở hữu trí tuệ**

Thông tin được cung cấp trong môn học này tập trung vào hai nhóm vấn đề:

Thứ nhất, giới thiệu khái quát các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ. Trong phần này SV sẽ được giới thiệu về lịch sử phát triển của sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, hệ thống các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ, được phân tích về ý nghĩa, vai trò của các điều ước quốc tế trong việc thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn cầu và sự tác động đến hệ thống pháp luật mỗi quốc gia, đặc biệt đối với Việt Nam trong quá trình đàm phán gia nhập WTO và khi đã là thành viên của WTO

Thứ hai, phân tích nội dung các điều ước quốc tế quan trọng trong hệ thống bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ hiện nay. Vì đây là phần trọng tâm của môn học nên GV sẽ tập trung vào các vấn đề sau: Phân tích nội dung Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; Phân tích nội dung các điều ước quốc tế mà Hiệp định Trips yêu cầu các nước thành viên WTO phải tuân thủ; Phân tích nội dung các điều ước quốc tế về xác lập quyền đối với sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp

### **13.32. Hành vi tổ chức**

Hành vi tổ chức là một môn học quan trọng đối với những ai đã và đang có dự định làm việc trong một tổ chức với những chức vụ cao. Ngay cả khi chúng ta không có kế hoạch để trở thành một nhà quản trị, hiểu được các nguyên tắc chính về các hành vi ứng xử của con người trong tổ chức cũng có thể giúp chúng ta làm việc một cách hiệu quả hơn với các đồng nghiệp, các thành viên trong nhóm và các tổ chức dân sự.

Hành vi tổ chức là môn học nghiên cứu các mối quan hệ giữa các cá nhân tại nơi làm việc, các cách hình thành nhóm và cấu trúc tổ chức ảnh hưởng như thế nào đến hành vi từng cá nhân đó trong tổ chức.

Môn học này được sắp xếp dựa trên 3 mức độ tập trung chính: cá nhân, nhóm (đồng đội), và các tổ chức. Môn học được bắt đầu từ cấp độ đầu tiên đó là việc thảo luận về văn hóa, và đây là nền tảng của mọi vấn đề xảy ra trong các tổ chức. Ở cấp độ kế tiếp chúng ta sẽ nói đến các đề tài mang tính cá nhân như là tính cách, các quan niệm sống, giá trị, đạo đức, và động lực thúc đẩy và bằng cách nào mà các cá nhân có thể thích ứng được với nhau trong một nhóm hoặc một tổ chức. Phần cuối cùng, chúng ta sẽ thảo luận về sự thay đổi cấu trúc của tổ chức sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các cá nhân, nhóm và chính tổ chức đó.

### **13.33. Luật thương mại quốc tế**

Học phần Luật thương mại Quốc tế thuộc học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật

thương mại quốc tế, những điều chỉnh trong nước cũng như quốc tế về những hoạt động thương mại mang tính quốc tế, cùng với các môn khác được đào tạo trong chuyên ngành, học phần Luật thương mại quốc tế giúp sinh viên người học có được kiến thức toàn diện nhất để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và thông lệ Quốc tế.

### **13.34. Quản trị sản xuất**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các công cụ và kỹ thuật để đảm bảo được năng suất và hiệu quả của sản phẩm trong quá trình vận hành. Nội dung môn học bao gồm việc đề cập đến kỹ năng, cách thức dự báo, điều phối, các quyết định liên quan đến quá trình sản xuất để nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường sản xuất và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.

### **13.35. Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện**

Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện là môn học cung cấp kiến thức cơ bản về công cụ Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện. Môn học đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực Quảng cáo và PR. Nội dung của môn học bao gồm: Quảng cáo, PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; Quy trình hoạch định chương trình Quảng cáo và PR; Các công cụ thực thi chính của Quảng cáo và PR; Đánh giá hiệu quả chương trình QC&PR. Ngoài ra, môn học còn giúp người học tìm hiểu các hoạt động QC&PR cụ thể trong doanh nghiệp và những yêu cầu đối với người làm nghề QC&PR. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

### **13.36. Quản trị kinh doanh**

Môn học cung cấp các kiến thức nền về kinh doanh có thể giúp sinh viên sử dụng tài năng của mình trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

Môn học cũng cung cấp một cái nhìn tổng thể về các đề tài khác nhau trong kinh doanh, cho phép sinh viên có các kế hoạch chính trong kinh doanh nhằm khẳng định lĩnh vực kinh doanh (quản trị, tiếp thị, quản trị nhân sự, luật kinh doanh, kế toán, tài chính) mà người học muốn đầu tư.

Môn học cũng sẽ giới thiệu đến người học các khái niệm chính, vai trò và xu hướng trong tổ chức kinh doanh. Các đề tài thảo luận bao gồm quản trị chất lượng, kỹ thuật, tinh thần làm việc đồng đội, sự khác biệt về văn hóa trong kinh doanh, đạo đức trong kinh doanh, vấn đề về toàn cầu hóa, sự hài lòng của khách hàng và các vấn đề liên quan đến môi trường. Ưu tiên của môn học này sẽ tập trung xoáy mạnh vào việc làm thế nào để phát triển kế hoạch kinh doanh một cách hiệu quả.



### **13.37. Đàm phán kinh doanh quốc tế**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đàm phán nói chung và đàm phán ngoại giao quốc tế nói riêng từ góc độ khoa học (những kết quả nghiên cứu khoa học cơ bản liên quan đến đàm phán), nghệ thuật (sự vận dụng lý thuyết và kinh nghiệm một cách hiệu quả, sáng tạo) và nghiệp vụ (với tư cách là một chức năng của ngoại giao). Nhiều góc độ của đàm phán sẽ được phân tích như lợi ích, luật pháp, quyền lực, đạo đức, yếu tố tâm lý, cảm xúc, thời gian, văn hoá ... trên cơ sở hệ thống tri thức đa ngành trong môi trường quốc tế (chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, xã hội học và văn hoá học)

Trang bị cho sinh viên cách làm việc nhóm, cách dùng từ ngữ, nói chuyện, diễn giải để có thể gây chú ý và thuyết phục được người nghe.

Trang bị kỹ năng mềm cho các sinh viên năm cuối, chuẩn bị tốt nghiệp trong việc chuẩn bị xin việc, đi phỏng vấn và giao tiếp xã hội.

### **13.38. Khởi nghiệp trong thời đại số**

Môn học trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết cho Doanh nhân được định nghĩa như là giả định về rủi ro và trách nhiệm trong việc thiết kế và thực hiện một chiến lược kinh doanh, về quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị nhân sự và tài chính trong doanh nghiệp trong thời đại số với sự tác động và ảnh hưởng của các thiết bị hiện đại.

Từ “entrepreneur” bắt nguồn từ tiếng Pháp “entreprendre” có nghĩa là “cam đoan làm được”. Trong kinh doanh, từ này có nghĩa là khởi nghiệp kinh doanh. Phần không thể thiếu của ‘entrepreneurship’ là khả năng phát triển và thực hiện một chiến lược kinh doanh. Môn học này sẽ hướng dẫn cho sinh viên về các nhân tố quan trọng đưa đến việc sáng tạo ra các công việc đầu tư kinh doanh mới và các đặc trưng của một doanh nhân thành công.

Sinh viên sẽ tham gia vào một tình huống mô phỏng kinh doanh với tư cách cá nhân hay trong các đội nhóm trong lớp.

### **13.39. Quan hệ con người**

Môn học này được thiết kế để giúp các nhân viên và nhà tuyển dụng tương lai hiểu và sử dụng các khái niệm về quan hệ con người khi họ áp dụng vào môi trường kinh doanh. Nó sẽ bao gồm các lĩnh vực như tinh thần, hiệu quả cá nhân, lãnh đạo, tính cách, động lực và giao tiếp.

### **13.40. Marketing quốc tế**

Môn học này trình bày những khái niệm và những công cụ để phân tích các chiến lược marketing quốc tế và đánh giá thị trường nước ngoài. Môn học này tập trung vào những kỹ năng nghiên cứu marketing để phát triển, đánh giá và thực hiện những kế hoạch marketing quốc tế ở các cấp độ doanh nghiệp, quốc gia và khu vực dựa trên 4P của marketing.

### **13.41. Chiến lược và chính sách kinh doanh**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về quản trị chiến lược, lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp. Trong môn học này, sinh viên được yêu cầu đọc tài liệu học tập bằng tiếng Anh, được trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về chiến lược, kế hoạch ... với các chuyên gia trong thực tiễn.

### **13.42. Định giá bất động sản**

Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và toàn diện về thẩm định giá bất động sản như: nắm được những đặc điểm cơ bản của bất động sản và thị trường bất động sản, những nội dung cơ bản của định giá bất động sản, từ đó áp dụng các phương pháp định giá bất động sản nhằm mục đích đưa ra kết luận về giá trị bất động sản. Học phần đề cập nội dung: bất động sản và thị trường bất động sản, khái quát chung về định giá bất động sản, các phương pháp định giá bất động sản, quy trình, báo cáo và chứng thư định giá bất động sản.

### **13.43. Thương mại điện tử**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử cũng như các kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử: Internet và World wide web.

Học phần cung cấp kiến thức về bán hàng trên web: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chiến lược B2B từ EDI đến EC, các khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế. Đồng thời cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử: phần mềm và phần cứng web server; Các phần mềm thương mại điện tử; An toàn thương mại điện tử; hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử. Học phần cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.

*Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các môn học trong CTĐT.*

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**